

Thứ sáu, ngày 28 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp điều chỉnh tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/3/2020		•	
Tuần 2/3-6/3/2020		•	
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục giảm điểm do thông tin về Dịch Sars-Cov-2 đã lan tỏa ra hơn 52 quốc gia và cả 5 châu lục. Thông tin này đã khiến các thị trường trên thế giới bao gồm Việt Nam giảm điểm mạnh. Chỉ số NIKKEI 225 Index giảm 3.67%, SHANG HAI Index giảm 3.7, CSI 300 Index giảm 3.55%, và Dow Jones Index giảm 4.42%. Trong phiên hôm nay, VN-Index đã có thời điểm giảm 25 điểm nhưng đã hồi phục trở lại nhờ nhịp bắt đáy ở một số cổ phiếu như PLX, LGC. Thanh khoản thị trường tăng mạnh, biên độ dao động mở rộng với độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý lo lắng đang chủ đạo hoạt động giao dịch trong thị trường. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn khi tình hình về dịch bệnh Sars-Cov-2 chưa có chuyển biến khả quan. VN-Index đã giảm xuống dưới ngưỡng đáy 890 điểm và có thể sẽ chuyển sang vận động trong vùng điểm 880-900 điểm trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/2/2019, hầu hết các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme Ngành Dược_ -0.8%. 7/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng -0.8%, con số này của VNINDEX là -1.8%

Phân tích kỹ thuật: DRH_Duy trì đà tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, STB, KSB, TIG, TAR**

Điểm nhấn

- VN-Index **-16.25 điểm**, đóng cửa 882.19. HNX-Index **+0.32 điểm**, đóng cửa 109.58.
- Kéo chỉ số tăng: **LGC (+0.16); PLX (+0.15); PHR (+0.08); AST (+0.05); YEG (+0.04)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-2.09); BID (-1.87); GAS (-1.78); VCB (-1.72); VNM (-1.50)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,235 tỷ đồng**, **+22.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 25 điểm, mở rộng so với phiên trước. Thị trường có 81 mã tăng, 42 mã tham chiếu và 294 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **377.32 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (48.8 tỷ), VNM (37.8 tỷ) và VHM (37.4 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **9.53 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

882.19

Giá trị: 3235.68 tỷ

-16.25 (-1.81%)

Khối ngoại (ròng): -377.32 tỷ

HNX-INDEX

109.58

Giá trị: 702.96 tỷ

0.32 (0.29%)

Khối ngoại (ròng): -9.53 tỷ

UPCOM-INDEX

55.05

Giá trị: 0.25 tỷ

-0.47 (-0.85%)

Khối ngoại (ròng): -23.45 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	45.8	-2.68%
Giá vàng	1,637	-0.48%
Tỷ giá USD/VND	23,240	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,536	0.48%
Tỷ giá JPY/VND	21,372	0.77%
LS liên NH 1 tháng	3.1%	13.23%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-7.14%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PHR	15.8	MSN	-48.8
CTG	15.6	E1VFN30	-37.8
SBT	9.9	VNM	-37.4
PVT	3.1	VRE	-31.7
PLX	2.3	NVL	-30.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **7/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng - 0.8%, con số này của VNINDEX là -1.8%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **6/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

28/2/2020

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_-0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	-0.8%	-1.9%	0.6%	-0.6%	4.2%	6.5%	39.4%	17.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.8%	-2.2%	-2.4%	-2.9%	-4.7%	-0.3%	33.8%	14.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-4.3%	-7.0%	-13.6%	-14.9%	-23.2%	22.3%	21.4%
Nước & Năng lượng	-1.1%	-4.4%	-7.6%	-12.2%	-13.5%	-12.5%	30.6%	14.6%
FTSE Việt Nam	-1.4%	-4.9%	-9.0%	-11.0%	-9.7%	-13.1%	64.6%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.7%	-5.8%	-9.1%	-12.8%	-11.6%	-14.7%	52.3%	13.9%
BDS & Khu công nghiệp	-1.7%	-4.8%	-6.3%	-11.5%	-12.5%	-9.7%	30.8%	16.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.8%	-2.8%	-2.3%	-3.0%	-1.7%	6.6%	53.9%	17.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.9%	-3.7%	-4.4%	-5.5%	-4.2%	-1.5%	47.6%	15.5%
Vật liệu Xây dựng	-1.9%	-4.9%	-6.4%	-7.8%	-6.8%	-6.1%	-5.4%	18.7%
Chiến tranh thương mại	-1.9%	-4.6%	-6.8%	-13.1%	-18.8%	-12.4%	-5.5%	15.7%
Dầu khí	-1.9%	-6.8%	-12.5%	-21.1%	-22.9%	-19.0%	-8.4%	22.8%
Xây dựng	-2.0%	-6.3%	-5.6%	-11.7%	-20.1%	-27.2%	-11.6%	18.4%
VN FinSelect	-2.1%	-3.7%	0.5%	3.4%	6.6%	2.2%	32.3%	18.0%
VN Diamond	-2.1%	-2.9%	-0.6%	-0.6%	1.0%	9.2%	52.9%	17.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.1%	-3.7%	1.0%	5.2%	9.1%	5.4%	38.6%	19.4%
Lãi suất giảm	-2.2%	-5.6%	-4.1%	-4.9%	-9.2%	-9.4%	31.2%	17.9%
Ngân hàng	-2.2%	-4.3%	0.1%	6.6%	11.9%	15.0%	78.2%	21.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-2.2%	-3.8%	-2.5%	1.0%	3.2%	18.9%	87.9%	19.4%
Hàng tiêu dùng	-2.3%	-4.4%	-3.9%	-11.8%	-13.9%	-11.4%	35.2%	17.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.4%	-4.5%	-5.3%	-7.8%	-8.2%	-7.6%	37.9%	14.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 10	-1.4%	-3.6%	-6.1%	-5.3%	-3.1%	11.7%	68.2%	17.1%
Danh mục 17	-1.5%	-4.2%	-5.3%	-9.8%	-10.8%	-4.9%	102.9%	18.3%
Danh mục 2	-1.6%	-4.2%	-4.4%	-8.0%	-7.5%	-2.7%	87.2%	16.2%
Danh mục 11	-2.2%	-4.3%	-3.1%	-1.9%	-0.8%	4.2%	43.5%	18.9%
Danh mục 1	-2.2%	-4.6%	-8.1%	-2.9%	0.1%	1.8%	72.7%	17.4%

* Note **6/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	-1.5%	-3.0%	-4.4%	-4.7%	-5.1%	10.1%	86.7%	16.8%
Danh mục 23	-1.7%	-4.6%	-5.6%	-6.6%	-4.5%	-4.4%	39.2%	16.9%
Danh mục 22	-1.8%	-3.6%	-4.4%	-3.1%	-1.3%	15.2%	58.8%	16.8%
Danh mục 19	-2.3%	-3.6%	-5.1%	-7.8%	-4.2%	4.9%	44.1%	15.4%
Danh mục 24	-2.6%	-6.8%	-5.8%	-3.0%	-2.5%	3.9%	46.8%	19.2%

* Note **2/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-1.8%	-5.5%	-8.1%	-9.6%	-9.7%	-10.6%	24.6%	15.4%
VN30INDEX	-1.9%	-4.2%	-5.0%	-7.0%	-6.2%	-10.5%	24.5%	15.9%

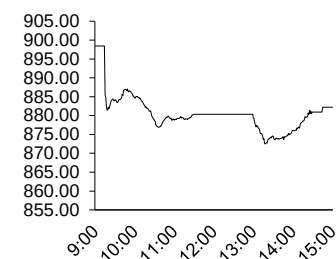
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

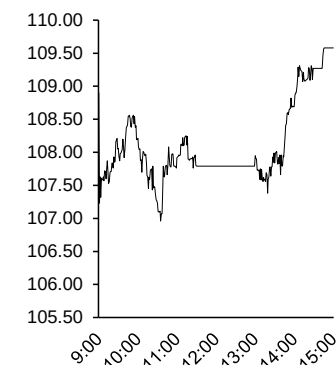
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-7.9%
Ô tô và phụ tùng	-4.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.3%
Thực phẩm và đồ uống	-3.1%
Ngân hàng	-2.0%
Bảo hiểm	-2.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.9%
Tài nguyên Cơ bản	-1.9%
Bán lẻ	-1.9%
Dịch vụ tài chính	-1.7%
Công nghệ Thông tin	-1.4%
Du lịch và Giải trí	-1.3%
Xây dựng và Vật liệu	-1.3%
Y tế	-0.8%
Bất động sản	-0.6%
Dầu khí	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Hóa chất	0.3%
Truyền thông	4.8%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DRH_Duy trì đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: duy trì histogram dương.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DRH vẫn đang ở trong xu hướng tăng giá từ giữa tháng trước cho đến nay với xuất phát điểm là vùng đáy 2.65. Thanh khoản cổ phiếu thời gian gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện vẫn đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo động lượng RSI hiện đã đi vào vùng quá mua nên có thể sẽ có áp lực chốt lời trong ngắn hạn khi cổ phiếu cũng đang gặp phải ngưỡng kháng cự tại vùng giá 6. Theo đánh giá của chúng tôi, nếu duy trì được động lực tăng giá, DRH tiềm năng sẽ tiếp cận khu vực xung quanh 6.5 trong tuần tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 28/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 28/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	46.47	-1.32%	-12.94%	-13.15%	-20.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	51.42	-1.46%	-12.10%	-12.71%	-20.64%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	139.54	-1.08%	-15.46%	-7.85%	-13.05%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1642.01	-0.19%	-0.09%	4.13%	25.43%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.63	-0.83%	-4.65%	0.43%	14.11%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	893.50	-0.17%	-0.61%	-1.71%	-7.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	525.25	-0.43%	-4.85%	-7.61%	2.54%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.25	-0.43%	-2.34%	-8.35%	3.17%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	176.60	-2.11%	%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.20	-2.34%	-4.95%	0.50%	-1.11%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.75	-0.81%	4.57%	0.83%	-4.23%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5616.00	-0.95%	-1.96%	-1.53%	-13.72%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3383.00	-1.26%	-2.51%	-6.91%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1690.00	-0.35%	-1.23%	-3.54%	-11.56%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	620.00	-2.52%	-7.46%	-8.79%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	67.55	1.89%	-1.10%	-1.60%	-24.40%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent giảm 1.25 USD tương đương 2.3% xuống 52.18 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.64 USD tương đương 3.4% xuống 47.09 USD/thùng.
- Lần đầu tiên, kể từ khi dịch bệnh bùng phát số ca nhiễm mới ngoài Trung Quốc vượt các trường hợp nhiễm mới ở Trung Quốc. Do vậy, các nhà đầu tư dự kiến dư cung dầu thô sẽ kéo dài, khi nhu cầu bị ảnh hưởng bởi virus corona lây lan sang các thị trường kinh tế lớn bao gồm Hàn Quốc, Nhật Bản và Italia.
- Trong khi đó, thị trường dầu thô đang dõi theo Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh bao gồm Nga, được gọi là OPEC+ họp tại Vienna vào ngày 5-6/3/2020 sẽ cắt giảm sản lượng. Nhóm hiện tại đang cắt giảm 1.2 triệu thùng/ngày để hỗ trợ giá.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,645.59 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 thay đổi nhẹ ở mức 1,642.5 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do các nhà đầu tư bán ra chốt lời sau khi giá tăng hơn 1% trong đầu phiên giao dịch, do lo ngại về virus corona bùng phát có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn giao dịch Đại Liên giảm phiên thứ 3 liên tiếp, giảm 3.6% xuống 633 CNY (90.26 USD)/tấn, do tồn trữ thép tại Trung Quốc kể từ đầu năm tăng 173% lên 21.6 triệu tấn. Dự trữ thép tăng do sản lượng thép của nước này trong tháng 1/2020 tăng 7.2% so với tháng 1/2019, trong khi nhu cầu thép thương mại giảm do nghỉ Tết Nguyên đán và các hạn chế mà Trung Quốc áp đặt nhằm chống lại virus corona bùng phát
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 1.3%, thép cuộn cán nóng giảm 0.9% và thép không gỉ giảm 0.8%.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 giảm 0.6 US cent tương đương 3.8% xuống 14.23 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3 trên sàn London giảm 9.3 USD tương đương 2.3% xuống 396.5 USD/tấn. Giá đường giảm xuống mức thấp nhất gần 1 tháng do các trường hợp nhiễm virus corona mới ngoài Trung Quốc tăng có thể thành đại dịch, điều này đã làm chậm nền kinh tế toàn cầu.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.8 US cent tương đương 0.7% lên 1.114 USD/lb. Cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn không thay đổi ở mức 1,295 USD/tấn.
- Đối với loại 5% tấm, gạo Việt Nam giảm xuống 365-375 USD/tấn so với 380 USD/tấn - cao nhất kể từ tháng 12/2018. Trong khi đó, gạo Thái Lan tăng lên 430-452 USD/tấn so với mức 430-445 USD/tấn do thời tiết khô. Gạo Ấn Độ giảm xuống 369-373 USD/tấn, so với mức 371-376 USD/tấn tuần trước đó, do nhu cầu từ các khách hàng khu vực châu Phi và châu Á giảm.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM giảm 2.5 JPY xuống 180.4 JPY (1.64 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 180 CNY xuống 11,235 CNY (1,603 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại virus corona bùng phát thành đại dịch, sau khi các trường hợp nhiễm virus mới ngoài Trung Quốc – lần đầu tiên – vượt các ca nhiễm mới tại nước này.

ẤM NƯỚC RIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI

Ngày ra trường, cha mẹ cho vài tỷ làm vốn kinh doanh, chàng trai trẻ tự tin đầu tư vào thị trường chứng khoán với những dự định và mục tiêu của riêng mình. Nhưng sau vài năm, anh trắng tay và gặp rất nhiều rắc rối. Một hôm, anh gặp được một người thông thái.

Sau khi nghe xong câu chuyện của chàng trai, người thông thái bình thản nói: “Cậu hãy nấu cho tôi một ấm nước sôi đi”. Chàng trai nhìn thấy ấm nước lớn ở góc nhà và một bếp nhỏ nhưng không có củi do đó anh phải ra ngoài để tìm củi đốt.

Chàng thanh niên trở về với một ít nhánh cây khô nhưng ấm nước lại quá to và chứa đầy nước. Vì vậy, khi đang đun nước thì lửa bị tắt. Không còn sự lựa chọn nào khác, anh đành ra ngoài tìm thêm củi đốt. Đợi khi có đủ củi khô thì ấm nước đã bị nguội lạnh.

Rút kinh nghiệm, lần này anh tìm đủ lượng củi cần dùng trước khi nhóm bếp nấu nước.

Lúc này, người thông thái đột nhiên hỏi anh ta: “Nếu không có đủ củi để đun nước thì cậu sẽ làm thế nào?” Chàng trai suy nghĩ một lúc rồi lắc đầu trả lời rằng anh không biết. Người thông thái nói tiếp: “Vậy sao không đổ bớt nước trong ấm ra ngoài đi?”

Hàng loạt câu hỏi hiện ra trong đầu chàng trai và anh chợt nhận ra nguyên nhân thất bại của mình.

Tại sao lại không đủ củi đốt? - Bởi vì anh đã đặt ra mục tiêu cho mình quá cao.

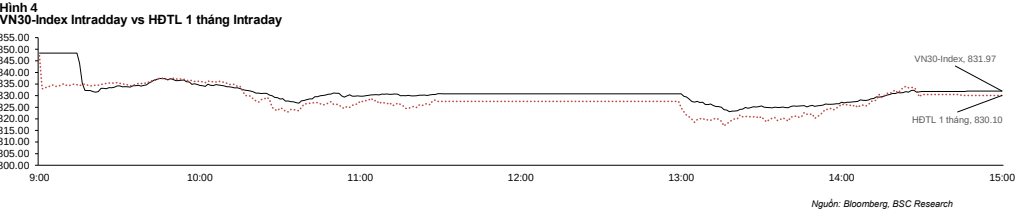
Tại sao mục tiêu đặt ra là quá sức? - Là do có quá nhiều sự lựa chọn, cảm dỗ, ham muốn cũng như sự háo hức muốn thành công.

Tại sao bếp lại nhỏ? - Đó chính là do thời gian và năng lực của bản thân là hữu hạn.

Tại sao củi kiếm được không đủ dùng? - Bởi vì nguồn lực là hạn chế và sự chuẩn bị chưa được kỹ lưỡng.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2003	830.10	-2.02%	-1.87	30.0%	203,810	3/19/2020	20
VN30F2004	828.20	-2.10%	-3.77	48.5%	606	4/16/2020	48
VN30F2006	839.90	-1.77%	7.93	16.4%	85	6/18/2020	111
VN30F2009	840.80	-0.38%	8.83	-6.7%	83	9/17/2020	202

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -16.37 điểm xuống mức 831.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, TCB, HPG, và SAB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm mạnh xuống quanh 830 điểm. Sang phiên chiều, VN30 phục hồi sau khi giảm về dưới 825 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 mất mốc hỗ trợ 835 điểm, chỉ số có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống vùng 815-820 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003 các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động phục hồi trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2002	KIS	12/16/2020	292	1:1	40,300	96.0%	3.0 triệu	22.98%	1,700	2,450	-0.41%	1,022.80	2.40
CSTB2001	KIS	6/19/2020	112	1:1	242,190	-50.0%	5.0 triệu	22.98%	1,500	1,790	-1.65%	1,028.20	1.74
CFPT1908	MBS	6/17/2020	110	3:1	253,690	-30.1%	2.4 triệu	23.60%	3,150	2,200	-5.98%	1,255.70	1.75
CMWG2002	MBS	4/24/2020	56	10:1	210,420	-69.1%	2.0 triệu	24.20%	1,950	1,200	-7.69%	477.20	2.51
CFPT2001	HSC	6/22/2020	115	5:1	56,010	-79.8%	5.0 triệu	23.60%	1,600	1,140	-8.80%	565.10	2.02
CTCB1902	VND	6/5/2020	98	1:1	125,730	77.7%	2.0 triệu	24.74%	5,300	2,860	-8.92%	1,910.20	1.50
CHDB2002	MBS	4/10/2020	42	2:1	138,530	-31.6%	1.5 triệu	24.23%	1,950	1,450	-9.38%	887.60	1.63
CVPB1901	VND	3/5/2020	6	1:1	194,200	284.9%	2.0 triệu	27.45%	3,500	9,350	-9.75%	9,114.00	1.03
CVHM1902	SSI	4/22/2020	54	1:1	37,320	54.9%	1.0 triệu	22.16%	18,600	4,090	-10.70%	871.60	4.69
CFPT1905	SSI	4/22/2020	54	1:1	45,360	-50.5%	1.0 triệu	23.60%	9,900	3,750	-11.35%	2,182.60	1.72
CVPB2001	HSC	6/22/2020	115	2:1	151,270	6.5%	5.0 triệu	27.45%	1,500	4,100	-11.45%	3,711.10	1.10
CMBB2001	HSC	6/22/2020	115	2:1	127,560	317.8%	5.0 triệu	21.96%	1,600	1,080	-12.90%	472.90	2.28
CHPG2001	HSC	6/30/2020	123	2:1	103,150	292.8%	5.0 triệu	26.63%	1,800	1,050	-13.22%	435.40	2.41
CFPT1906	HSC	4/8/2020	40	5:1	115,330	-64.5%	5.0 triệu	23.60%	1,700	630	-13.70%	203.90	3.09
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	56	5:1	89,240	24.7%	2.0 triệu	21.79%	2,200	1,140	-16.18%	458.00	2.49
CHPG1907	SSI	4/22/2020	54	1:1	32,200	158.4%	1.0 triệu	26.63%	4,200	2,610	-16.35%	1,825.30	1.43
CHPG2003	MBS	5/4/2020	66	3:1	332,530	29.6%	6.0 triệu	26.63%	1,570	680	-17.07%	1.80	377.78
CHPG1909	KIS	5/15/2020	77	2:1	282,150	290.0%	5.0 triệu	26.63%	1,800	620	-18.42%	194.20	3.19
CMBB1903	SSI	4/22/2020	54	1:1	71,660	12.2%	3.0 triệu	21.96%	4,000	890	-19.09%	245.30	3.63
CVIC1902	SSI	4/22/2020	54	1:1	340	-95.7%	1.0 triệu	16.47%	22,700	3,710	-19.70%	178.90	20.74
CVNM1903	SSI	4/22/2020	54	1:1	24,840	-7.6%	1.0 triệu	20.62%	26,600	3,210	-21.71%	208.50	15.40
Tổng:					2,674,020		63.90 triệu	23.81%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 28/2/2019, hầu hết các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

• Về giá, CVNM1903 và CVIC1902 giảm mạnh lần lượt là -21.71% và -19.70%. Thanh khoản thị trường giảm -17.92%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.69% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
PLX	51.60	0.78	0.06
REE	34.10	-1.45	-0.12
CTD	62.30	-4.01	-0.12
STB	11.60	-0.43	-0.12
VIC	105.40	-0.19	-0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	27.2	-4.06	-2.68
VNM	104.5	-2.70	-2.18
TCB	22.3	-2.20	-1.55
HPG	22.4	-2.61	-1.36
SAB	162.0	-6.47	-1.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2002	13,588	11,888	11,600
CSTB2001	12,499	10,999	11,600
CFPT1908	63,450	54,000	55,100
CMWG2002	129,500	110,000	106,500
CFPT2001	64,000	56,000	55,100
CTCB1902	26,300	21,000	22,250
CHDB2002	29,900	26,000	27,800
CVPB1901	21,500	18,000	27,200
CVHM1902	103,600	85,000	80,400
CFPT1905	64,900	55,000	55,100
CVPB2001	23,000	20,000	27,200
CMBB2001	24,200	21,000	20,400
CHPG2001	27,600	24,000	22,350
CFPT1906	65,500	57,000	55,100
CPNJ2001	94,500	83,500	81,700
CHPG1907	25,200	21,000	22,350
CHPG2003	26,810	22,100	22,350
CHPG1909	28,280	24,680	22,350
CMBB1903	26,000	22,000	20,400
CVIC1902	137,700	115,000	105,400
CVNM1903	145,580	118,980	104,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.5	-1.8%	0.8	2,099	6.0	8,655	12.3	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	81.7	-2.2%	1.2	800	1.6	5,327	15.3	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	54.9	-2.7%	1.3	1,772	0.5	1,632	33.6	2.1	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	-0.3%	0.7	314	0.1	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	105.4	-0.2%	0.9	15,500	3.9	2,268	46.5	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	28.5	-1.7%	1.1	2,816	2.3	1,253	22.7	2.4	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.5	-0.7%	0.8	2,255	2.0	3,563	15.0	2.3	6.5%	16.3%
REE	Bất động sản	34.1	-1.4%	1.1	460	1.0	5,286	6.5	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.9	-2.9%	1.6	269	0.6	2,849	4.2	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	15.9	-3.6%	1.4	358	1.4	1,787	8.9	0.9	53.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.0	-3.3%	1.0	186	0.0	4,218	6.2	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.2	-3.7%	1.9	228	0.7	1,421	12.1	1.2	55.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.1	-1.6%	0.9	1,625	5.1	4,225	13.0	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	49.8	3.8%	0.4	539	0.0	4,812	10.3	3.0	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	75.8	-4.1%	1.5	6,308	1.5	6,096	12.4	3.0	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.6	0.8%	1.5	2,672	0.6	3,495	14.8	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	14.9	-3.2%	1.4	310	1.5	1,529	9.7	0.6	20.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.4	0.0%	0.8	998	0.8	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.0	-2.5%	0.5	546	0.1	4,668	20.6	3.7	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	-1.7%	0.6	202	0.1	774	15.3	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.1	-0.7%	0.6	140	0.0	600	10.1	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	82.4	-1.9%	1.2	13,287	6.1	5,004	16.5	3.6	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	45.5	-3.4%	1.7	7,957	1.9	2,398	19.0	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.8	-1.7%	1.5	4,169	8.7	2,541	10.1	1.2	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.2	-4.1%	1.2	2,883	5.9	3,370	8.1	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.4	-2.4%	1.1	2,082	6.3	3,480	5.9	1.2	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.2	-1.2%	1.2	1,815	6.4	3,686	6.8	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.9	-2.2%	0.8	146	0.2	5,165	7.9	1.4	79.6%	17.2%
NTP	Nhựa	28.7	-0.7%	0.2	122	0.0	4,167	6.9	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.7%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.4	-2.6%	1.0	2,683	6.4	2,581	8.7	1.3	38.5%	17.0%
HSG	Thép	7.6	-2.6%	1.8	140	1.7	1,161	6.5	0.6	18.3%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	104.5	-2.7%	0.8	7,912	6.5	5,478	19.1	6.6	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	162.0	-6.5%	0.8	4,517	0.6	7,477	21.7	5.5	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.0	-1.4%	1.2	2,490	4.8	4,772	10.3	1.3	38.6%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.7	-2.0%	0.4	552	2.6	508	42.7	1.8	6.7%	4.4%
ACV	Vận tải	51.3	-2.1%	0.8	4,856	0.2	2,630	19.5	3.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	121.9	-0.7%	1.1	2,776	1.6	7,889	15.5	4.2	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	23.0	-2.1%	1.7	1,418	0.8	1,640	14.0	1.8	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.0	-1.0%	0.9	245	0.2	1,595	11.9	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.4	0.0%	0.6	152	0.6	2,421	5.1	0.8	31.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.1	-2.5%	1.1	467	0.8	8,824	7.6	3.1	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.2	-1.1%	0.7	355	0.2	1,454	12.5	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	-0.7%	0.9	239	0.0	1,953	7.4	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	62.3	-4.0%	1.0	207	0.4	8,858	7.0	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.0	2.0%	1.0	480	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	21.5	-4.2%	0.3	232	0.8	2,769	7.8	0.9	50.3%	12.9%
POW	Điện	9.9	-2.5%	0.6	1,003	1.0	1,064	9.3	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	19.7	-1.3%	0.5	247	0.2	2,577	7.6	1.4	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	45.40	6.82	0.16	510.00
PLX	51.60	0.78	0.15	290640.00
PHR	47.20	4.19	0.08	1.15MLN
AST	59.00	6.88	0.05	38940.00
YEG	60.20	6.93	0.04	37010.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	9.60	9.09	1.07	34.25MLN
SHS	7.90	9.72	0.10	2.39MLN
AMV	18.60	8.14	0.05	1.34MLN
VCG	25.00	2.04	0.05	116000.00
MBS	11.50	5.50	0.03	86300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	-0.01	-2.09	76910.00	1.11MLN
BID	0.00	-1.87	972320.00	607060.00
GAS	0.00	-1.78	449640.00	373600.00
VCB	0.00	-1.73	1.71MLN	192700.00
VNM	0.00	-1.47	1.44MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.20	-1.18	-0.48	5.96MLN
PVS	14.90	-3.25	-0.12	2.39MLN
HHC	104.50	-9.99	-0.11	100.00
IDJ	17.70	-9.69	-0.06	617900.00
VCS	67.10	-2.47	-0.06	288600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	4.28	7.00	0.02	293590.00
SVI	67.80	6.94	0.02	1540.00
TMT	5.24	6.94	0.00	7500.00
YEG	60.20	6.93	0.04	37010.00
AST	59.00	6.88	0.05	38940.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	59700.00
ACM	0.70	16.7	0.01	349800.00
DST	1.00	11.1	0.00	827200.00
DNY	1.10	10.0	0.00	100.00
VNF	30.80	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	6.66	-6.98	0.00	30.00
DPG	26.05	-6.96	-0.03	368420.00
FIT	6.97	-6.94	-0.04	1.32MLN
VID	4.05	-6.90	0.00	890.00
TCH	31.80	-6.88	-0.25	1.04MLN

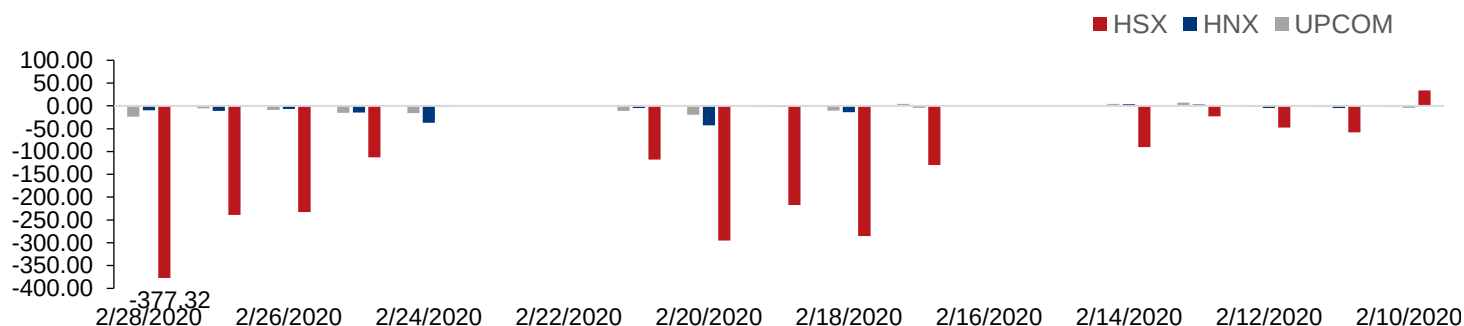
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDN	25.20	-12.50	0.00	100.00
APS	2.70	-10.00	-0.01	91600.00
LO5	1.80	-10.00	0.00	44300.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	1.78MLN
HHC	104.50	-9.99	-0.11	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
2	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
6	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
7	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
14	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	106.5	8,655	12.3	3.9	Click
2	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	31.0	6,362	4.9	1.2	Click
3	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	55.1	4,225	13.0	2.7	Click
4	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.5	2,109	10.6	1.6	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	25.2	3,897	6.5	1.1	Click
6	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	96.0	4,668	20.6	3.7	Click
7	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.0	5,020	5.2	1.2	Click
8	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	81.7	5,327	15.3	4.0	Click
9	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.4	2,421	5.1	0.8	Click
10	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.8	14,782	11.0	4.4	Click
11	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	11.8	0	33.6	0.4	Click
12	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	106.5	8,655	12.3	3.9	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.2	3,686	6.8	1.5	Click
14	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,736	4.5	0.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.3	2,881	7.7	1.3	Click
16	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	82.4	5,004	16.5	3.6	Click
17	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	26.8	7,028	3.8	1.4	Click
18	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.1	4,225	13.0	2.7	Click
19	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.2	3,897	6.5	1.1	Click
20	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	14.4	2,236	6.4	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
DHG 2020Q1	3/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 89500 ; Giá tại Publish 93000 Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/01/2020, DHG đóng cửa ở mức giá 93,000 VND; tương đương với mức P/E là 19.9, cao hơn 17% so với mức P/E ngành là 16.95. BSC cho rằng diễn biến tích cực của giá cổ phiếu DHG cũng như các cổ phiếu ngành được khác do kỳ vọng nhà đầu tư từ việc người dân tăng chi tiêu các sản phẩm thuộc do tâm lý lo lắng khi tình hình nghiêm trọng của dịch nCoV tại Trung Quốc.
Express MSN 2020Q1	21/01/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 55000 Kế hoạch 2020: (1) Doanh thu VCM kế hoạch đạt 42,000 tỷ đồng (+62% YoY), trong đó: DT Vinmart là 17 ngàn tỷ (+48% YoY), SSSG 24% và DT Vinmart+ là 27 ngàn tỷ (+ 78% YoY), SSSG 25% (2) Đạt điểm hòa vốn tại mức EBITDA, dao động trong -3% - 0%. (3) Giảm bớt số cửa hàng hoạt động không hiệu quả: Đóng 0-10 siêu thị và 150-300 CHTL. (4) Tăng tỉ lệ đồ tươi sống lên 35% so với năm trước là 30%. (5) Đầu tư 15 triệu USD vào phát triển hệ thống VCM: real-time inventory, Scan-go Self services, xây dựng trải nghiệm giữa kênh bán hàng - suppliers - 3PL,và O2O retail.
Express NTC 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 170000 Luận điểm đầu tư: Tăng trưởng cho thuê KCN Nam Tân Uyên 3 từ làn sóng FDI. Rủi ro Đầu tư: Rủi ro đầu tư: (1) Cơ cấu sở hữu giữa GVR, PHR và NTC dẫn đến khả năng thiếu kiểm soát của doanh nghiệp. (2) Phụ thuộc vào dòng vốn FDI
Express GMD 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 23950 BSC điều chỉnh sản lượng thông cảng tại Hải Phòng của GMD năm 2019 xuống 1.2 triệu TEUs (+3.2%yoy) – dự báo cũ là 1.3 triệu TEUs (+12%yoy). Theo đó tổng sản lượng của GMD trong năm nay đạt 1.95 triệu TEUs, +2%yoy (dự báo cũ là 2.05 triệu TEUs, +7.4%yoy). Doanh thu năm 2019 ước đạt 2,887 tỷ đồng (+6.63%yoy), LNST đạt 650 tỷ đồng (-66%yoy). Nếu loại trừ đi khoản lợi nhuận từ thoái vốn năm 2018 thì LNST năm 2019 tăng nhẹ 2.3%yoy.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn